

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGA SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 331/UBND-NN
V/v báo cáo tình hình cơ giới hóa
nông nghiệp theo mùa, vụ năm 2018

Nga Sơn, ngày 14 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, Thị trấn.

Thực hiện công văn số: 960/SNN&PTNT, ngày 11/4/2018 của Sở Nông nghiệp&PTNT về việc báo cáo tình hình cơ giới hóa nông nghiệp theo mùa, vụ năm 2018. Để có số liệu tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp&PTNT chính xác kịp thời. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn báo cáo một số nội dung sau.

1. Diện tích các loại cây nông nghiệp chủ yếu đã được cơ giới hóa (theo biểu mẫu 1).
2. Các máy móc cơ giới hóa (theo biểu mẫu 2).
3. Mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất và chế biến nông - lâm - thủy sản (theo biểu mẫu 3).
4. Diện tích nuôi trồng thủy sản (theo biểu mẫu 4).

Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo thực hiện và báo cáo gửi về UBND huyện (qua phòng Nông nghiệp&PTNT) chậm nhất ngày 20/4/2018. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Thịnh Văn Huyền

Biểu 1. Thống kê tỷ lệ diện tích các loại cây nông nghiệp chủ yếu được cơ giới hóa vụ mùa năm 2018.
(Kèm theo công văn số **331** /UBND-NN, ngày **17** /4/2018 của UBND huyện Nga Sơn)

TT	Cây nông nghiệp chủ yếu	Khâu công việc	Tổng diện tích gieo trồng	Tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa																	
				Vụ xuân			Vụ mùa			Vụ thu đông			Cả năm (%)								
				Tổng DT cơ giới hóa (ha)	DT được cơ giới hóa (ha)	Tỷ lệ (%)	Tổng DT (ha)	DT được cơ giới hóa (ha)	Tỷ lệ (%)	Tổng DT (ha)	DT được cơ giới hóa (ha)	Tỷ lệ (%)									
I	Cây lúa	Làm đất																			
		Gieo cấy																			
II	Cây cói	Thu hoạch																			
		Vận chuyển																			
III	Cây ngô	Làm đất																			
		Gieo trồng																			
IV	Cây lạc	Chăm sóc																			
		Tách hạt																			
VI	Rau các loại	Làm đất																			
		Tách hạt																			

**Biểu 02: Thống kê các loại máy móc, thiết bị chủ yếu trong
sản xuất nông nghiệp và chế biến**

(Kèm theo công văn số 331 /UBND-NN, ngày 17 /4/2018 của UBND huyện Nga Sơn)

TT	Danh mục máy móc thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Trong đó: đã được hưởng chính sách hỗ trợ
I	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp			
1	Các loại máy làm đất, trong đó:			
+	Công suất trên 35 mã lực	Cái		
+	Công suất từ 12-35 mã lực	Cái		
+	Công suất dưới 12 mã lực	Cái		
2	Các loại máy cấy lúa	Cái		
3	Các loại máy gieo hạt	Cái		
4	Các loại máy xới, vun luống, bón phân	Cái		
5	Máy phun thuốc sâu động cơ	Cái		
6	Máy bơm nước	Cái		
7	Các loại máy thu hoạch lúa	Cái		
8	Máy thu hoạch mía, ngô	Cái		
9	Máy tuốt lúa, vỏ lúa	Cái		
10	Máy tách hạt (ngô, lạc...)	Cái		
11	Dây chuyền sấy nông sản bao gồm các phụ kiện kèm theo	Cái		
12	Các loại máy xay xát lúa gạo	Cái		
13	Các loại máy nghiền nông sản	Cái		
14	Các loại máy chế biến thức ăn chăn nuôi	Cái		
15	Các loại máy chế biến lâm sản(gỗ, tre luồng, lâm sản khác.)	Cái		
II	Lĩnh vực thủy sản	Cái		
1	Máy bơm nước	Cái		
2	Máy phát điện	Cái		
3	Máy nạo, máy hút bùn	Cái		
4	Máy móc thiết bị tạo ô xi	Cái		
5	Hệ thống thiết bị lọc nước	Cái		
6	Kho lạnh: hệ thống hầm, tủ cấp đông, tủ bảo quản, hầm bảo quản sản phẩm	Cái		

7	Hệ thống sấy (bao gồm các phụ kiện kèm theo)	Cái		
8	Dây chuyền chế biến bột cá: dây chuyền chế biến Surimi	Cái		
9	Các loại máy nghiền, trộn, sấy, rửa, chế biến thức ăn	Cái		
10	Máy móc, thiết bị xử lý chế phẩm sau chế biến (vỏ ốc, tôm, nghêu)	Cái		

Biểu 03: Thống kê mức độ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất Nông nghiệp và chế biến Nông - Lâm - Thủy sản năm 2018

(Kèm theo công văn số 331 /UBND-NN, ngày 17/4/2018 của UBND huyện Nga Sơn)

TT	Khâu công việc	Mức độ cơ giới hóa (%)	Ghi chú
I	Trồng trọt		
1	Làm đất		
2	Gieo cây (gieo sạ, cây máy)		
3	Tưới tiêu nước		
4	Phun thuốc BVTV		
5	Thu hoạch		
6	Tuốt đập/tách hạt		
7	Xay xát gạo		
8	Vận chuyển		
II	Chăn nuôi		
1	Thông gió chuồng trại		
2	Sản xuất chế biến thức ăn trang trại		
3	Cho ăn		
4	Cung cấp nước uống		
5	Vệ sinh chuồng trại		
6	Giết mổ (dây chuyền bán tự động)		
III	Thủy sản		
1	Sản xuất, chế biến thức ăn trang trại		
2	Sục khí ao đầm nuôi công nghiệp		
3	Cung cấp nước		
4	Cơ giới hóa vệ sinh ao đầm		
5	Dây chuyền chế biến thủy sản		

Biểu 04: Báo cáo diện tích nuôi trồng Thủy sản năm 2018 Định hướng đến 2020
(Kèm theo công văn số 331 /UBND-NN, ngày 17/4/2018 của UBND huyện Nga Sơn)

TT	Đơn vị	Diện tích nuôi trồng thủy sản đã được quy hoạch 2018 (ha)				Diện tích nuôi trồng thủy sản định hướng quy hoạch đến 2020 (ha)								
		Diện tích cá nước ngọt		Diện tích nuôi tôm sú		Diện tích cá nước ngọt		Diện tích nuôi tôm sú		DT nuôi tôm thẻ nước lợ				
		Quảng canh, quảng canh cải tiến	Thâm canh, bán thâm canh	Quảng canh, quảng canh cải tiến	Thâm canh, bán thâm canh	Quảng canh, quảng canh cải tiến	Thâm canh, bán thâm canh	Quảng canh, quảng canh cải tiến	Thâm canh, bán thâm canh	Quảng canh, quảng canh cải tiến	Thâm canh, bán thâm canh			
1	Xóm a													
2	Xóm b													
3													
	Tổng													

TT	Đơn vị	Diện tích nuôi trồng thủy sản chưa quy hoạch 2018 (ha)				Diện tích nuôi trồng thủy sản định hướng đến 2020 (ha)								
		Diện tích cá nước ngọt		Diện tích nuôi tôm sú		Diện tích cá nước ngọt		Diện tích nuôi tôm sú		DT nuôi tôm thẻ nước lợ				
		Quảng canh, quảng canh cải tiến	Thâm canh, bán thâm canh	Quảng canh, quảng canh cải tiến	Thâm canh, bán thâm canh	Quảng canh, quảng canh cải tiến	Thâm canh, bán thâm canh	Quảng canh, quảng canh cải tiến	Thâm canh, bán thâm canh	Quảng canh, quảng canh cải tiến	Thâm canh, bán thâm canh			
1	Xóm a													
2	Xóm b													
3													
	Tổng													